Cập nhật ngày 21/01/2026

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T146/NUTRICARE/2025

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE SMARTA GROW OPTI

Năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH
ĐẾN Số: 381
Ngày: 27/11/2025
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T146/NUTRICARE/2025

I.Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368. Fax:

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:

(Cơ sở đã đạt chứng nhận ISO 22000 - không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare Smarta Grow Opti

2. Thành phần:

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cọ), Sucrose, Đạm sữa, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Sắt pyrophosphat, Magiê oxit, Natri selenit, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Phylloquinon, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin), Đạm sữa thủy phân Casein phosphopeptide, DHA, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương kem), Cholin, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 850 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Bao bì tráng thiếc (dạng gói hoặc dạng lon), đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

M.S.C.N: 0104937284
CHI NH
CÔNG TY C
DINH DU
NUTRIC
H. THUẬN THÀNH

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.C.N: 0104937284-002 - C.T.C.P
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
H. THUẬN THÀNH - T. BẮC NINH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Công Quý

34-002-C.T.C.P
ÁNH
PHẦN
ÕNG
ARE
T. BẮC NINH

M.S.C.N: 0104937284-002 - C.T.C.P
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
H. THUẬN THÀNH - T. BẮC NINH

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES[1]

Thành phần / Components	Đơn vị / Unit	Trong 100 g bột / Per 100 g powder	Trong 1 ly pha chuẩn / Per serving (180 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	447	179
Chất đạm/Protein	g	16.6	6.64
Lysin/Lysine	mg	1259	504
Leucin/Leucine	mg	1403	561
Isoleucin/Isoleucine	mg	800	320
Valin/Valine	mg	942	377
Arginin/Arginine	mg	545	218
Histidin/Histidine	mg	397	159
Phenylalanin/Phenylalanine	mg	645	258
Threonin/Threonine	mg	662	265
Methionin/Methionine	mg	369	148
Chất béo/Lipid	g	16.5	6.60
DHA/Docosahexaenoic acid	mg	33.0	13.2
Carbohydrat/Carbohydrate	g	57.3	22.9
Đường tổng số/Total sugars	g	25.4	10.2
Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin)	g	1.80	0.72
Prebiotics (FOS, Inulin)			
Cholin/Choline	mg	60.0	24.0
Lợi khuẩn Postbiotic (Lactococcus lactis Plasma)	tế bào	20,84 tỷ	8,34 tỷ
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1382	553
Vitamin D3	IU	500	200
Vitamin E	IU	7.22	2.89
Vitamin K1	µg	14.6	5.84
Vitamin K2 (MK7)	µg	40.0	16.0
Vitamin C	mg	44.5	17.8
Vitamin B1	µg	354	142
Vitamin B2	µg	745	298
Niacin	µg	5350	2140
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	1850	740
Vitamin B6	µg	700	280
Axit folic/Folic acid	µg	100	40.0
Vitamin B12	µg	0.78	0.30
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	200	80.0
Kali/Potassium	mg	430	172
Canxi/Calcium	mg	1100	440
Phốt pho/Phosphorus	mg	580	236
Magiê/Magnesium	mg	38.5	15.4
Sắt/Iron	mg	5.60	2.24
Kẽm/Zinc	mg	3.20	1.28
Mangan/Manganese	µg	420	168
Đồng/Copper	µg	110	44.0
I-ốt/Iodine	µg	78.0	30.4
Selen/Selenium	µg	20.5	8.20

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cọ), Sucrose, Đạm sữa, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Sắt pyrophosphat, Magiê oxit, Natri selenit, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Phylloquinon, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin), Đạm sữa thủy phân Casein phosphopeptide, DHA, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương kem), Cholin, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

Milk powder, Maltodextrin, Vegetable fat (Canola oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil, Palm oil), Sucrose, Milk protein, Minerals (Tricalcium phosphate, Calcium carbonate, Potassium chloride, Sodium chloride, Zinc sulfate, Iron pyrophosphate, Magnesium oxide, Sodium selenite, Copper sulfate, Manganese sulfate, Potassium iodide) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Calcium-D-pantothenate, Folic acid, Phylloquinone, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Riboflavin, Thiamine mononitrate, Vitamin K2 (MK7)), Prebiotics (FOS, Inulin), Casein hydrolysate, DHA, Synthetic flavor (vanilla flavour, cream flavour), Choline, Postbiotic (Lactococcus lactis strain Plasma).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50°C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ./*Pour 180 ml warm water (approximately 50°C) into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.*

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./*Children over 3 years up to 10 years use 2 – 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.*

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./*Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.*

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE SMARTA GROW OPTI

NMNi - USA
Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi **Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ** với công thức đạt chuẩn đáp ứng **100% nhu cầu Canxi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ**[2] với **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**[3] hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi. Cùng **Vitamin K2 (MK7), D3** hỗ trợ phát triển hệ xương và chiều cao. Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**[1], **Chất xơ** hỗ trợ hệ tiêu hóa khỏe.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO:
Bổ sung Canxi đáp ứng **100% nhu cầu theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ**[2]. Bổ sung **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**[3] hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi. **Vitamin K2 (MK7)** giúp vận chuyển hiệu quả Canxi từ máu vào xương và **Vitamin D3** giúp xương chắc khỏe hỗ trợ trẻ phát triển chiều cao.

HỖ TRỢ TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG:
Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**[1]. Kết hợp với **Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin)** giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng hệ vi sinh đường ruột.

HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH:
Đạm chất lượng cao[3] cung cấp dưỡng chất cần thiết hỗ trợ trẻ tăng cân khỏe mạnh. **Kẽm** hỗ trợ tăng cường chuyển hóa năng lượng và **Lysin** giúp bé ăn ngon miệng.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC:
DHA hỗ trợ phát triển trí não cùng **Cholin** có vai trò thiết yếu đối với sự phát triển của não bộ và cải thiện trí nhớ. **Vitamin A** hỗ trợ bảo vệ thị giác.

Lưu ý: - Sản phẩm có thể chứa các hạt vì chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(*) Lượng tế bào Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 1 ly pha chuẩn.
(2) 3 ly pha chuẩn cung cấp 100% nhu cầu Canxi hàng ngày cho trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ.
(3) Hàm lượng Casein phosphopeptide (CPP): 165 mg/200 g.
(4) Đạm sữa là đạm chất lượng cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt **(GMP)** phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001.**

Số CBSP: T146/NUTRICARE/2025
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

MỚI
CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỀN BẮC: 1800.6011 (miễn phí)
MIỀN NAM: 028.7300.9889
www.nutricare.com.vn

8 936142 674682

Nhãn nét đính kèm (chỉ phục vụ check nhãn)

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH *AVERAGE NUTRITIONAL VALUES*[1]

Thành phần *Components*	Đơn vị *Unit*	Trong 100 g bột *Per 100 g powder*	Trong 1 ly pha chuẩn *Per serving (210 ml)*
Năng lượng/Energy	kcal	447	179
Chất đạm/Protein	g	16,6	6,64
Lysin/*Lysine*	mg	1259	504
Leucin/*Leucine*	mg	1413	565
Isoleucin/*Isoleucine*	mg	800	320
Valin/*Valine*	mg	942	377
Arginin/*Arginine*	mg	545	218
Histidin/*Histidine*	mg	397	159
Phenylalanin/*Phenylalanine*	mg	645	258
Threonin/*Threonine*	mg	662	265
Methionin/*Methionine*	mg	369	148
Chất béo/Lipid	g	16,5	6,60
DHA (*Docosahexaenoic acid*)	mg	33,0	13,2
Carbohydrat/Carbohydrate	g	57,3	22,9
Đường tổng số/*Total sugars*	g	25,4	10,2
Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin) *Prebiotics (FOS, Inulin)*	g	1,80	0,72
Cholin/*Choline*	mg	60,0	24,0
Lợi khuẩn Postbiotic (*Lactococcus lactis* Plasma)	tế bào	20,84 tỷ	8,34 tỷ
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1382	553
Vitamin D3	IU	500	200
Vitamin E	IU	7,22	2,89
Vitamin K1	µg	14,6	5,84
Vitamin K2 (MK7)	µg	40,0	16,0
Vitamin C	mg	44,5	17,8
Vitamin B1	µg	354	142
Vitamin B2	µg	745	298
Niacin	µg	5350	2140
Axit pantothenic/*Pantothenic acid*	µg	1850	740
Vitamin B6	µg	700	280
Axit folic/*Folic acid*	µg	100	40,0
Vitamin B12	µg	0,76	0,30
Khoáng chất/Minerals			
Natri/*Sodium*	mg	200	80,0
Kali/*Potassium*	mg	430	172
Canxi/*Calcium*	mg	1100	440
Phốt pho/*Phosphorus*	mg	590	236
Magiê/*Magnesium*	mg	38,5	15,4
Sắt/*Iron*	mg	5,60	2,24
Kẽm/*Zinc*	mg	3,20	1,28
Mangan/*Manganese*	µg	420	168
Đồng/*Copper*	µg	110	44,0
I-ốt/*Iodine*	µg	76,0	30,4
Selen/*Selenium*	µg	20,5	8,20

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/*INGREDIENTS:*

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cọ), Sucrose, Đạm sữa, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Sắt pyrophosphat, Magiê oxit, Natri selenit, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Phylloquinon, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin), Đạm sữa thủy phân Casein phosphopeptide, DHA, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương kem), Cholin, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

Milk powder, Maltodextrin, Vegetable fat (Canola oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil, Palm oil), Sucrose, Milk protein, Minerals (Tricalcium phosphate, Calcium carbonate, Potassium chloride, Sodium chloride, Zinc sulfate, Iron pyrophosphate, Magnesium oxide, Sodium selenite, Copper sulfate, Manganese sulfate, Potassium iodide) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Calcium-D-pantothenate, Folic acid, Phylloquinone, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Riboflavin, Thiamine mononitrate, Vitamin K2 (MK7)), Prebiotics (FOS, Inulin), Casein hydrolysate, DHA, Synthetic flavor (vanilla flavour, cream flavour), Choline, Postbiotic (Lactococcus lactis strain Plasma).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/*INSTRUCTION FOR USE:*

Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50°C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ./*Pour 180 ml warm water (approximately 50°C) into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.*

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/*RECOMMENDED INTAKE:*

Trẻ trên 3 tuổi – 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./*Children over 3 years up to 10 years use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.*

BẢO QUẢN/*STORAGE:*

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./*Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.*

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE SMARTA GROW OPTI

NMNi - USA Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi **Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ** với công thức đạt chuẩn đáp ứng **100% nhu cầu Canxi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ**(2) với **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**(3) hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi. Cùng **Vitamin K2 (MK7), D3** hỗ trợ phát triển hệ xương và chiều cao. Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**(*). **Chất xơ** hỗ trợ hệ tiêu hóa khỏe.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO:
Bổ sung Canxi đáp ứng **100% nhu cầu theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ**(2). Bổ sung **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**(3) hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi, **Vitamin K2 (MK7)** giúp vận chuyển hiệu quả Canxi từ máu vào xương và **Vitamin D3** giúp xương chắc khỏe, hỗ trợ trẻ phát triển chiều cao.

HỖ TRỢ TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG:
Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**(*), **Kẽm** giúp tăng cường sức đề kháng. Kết hợp với **Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin)** giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng hệ vi sinh đường ruột.

HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH:
Đạm chất lượng cao(4) cùng các dưỡng chất cần thiết hỗ trợ trẻ tăng cân khỏe mạnh. **Kẽm** hỗ trợ tăng cường chuyển hóa năng lượng và **Lysin** giúp bé ăn ngon miệng.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC:
DHA hỗ trợ phát triển trí não cùng **Cholin** có vai trò thiết yếu đối với sự phát triển của não bộ và cải thiện trí nhớ. **Vitamin A** hỗ trợ bảo vệ thị giác.

Lưu ý: - Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(*) *Lượng tế bào Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 3 ly pha chuẩn.*
(2) *3 ly pha chuẩn cung cấp 100% nhu cầu Canxi hàng ngày cho trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ.*
(3) *Hàm lượng Casein phosphopeptide (CPP): 165 mg/100 g.*
(4) *Đạm sữa là đạm chất lượng cao.*

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt **(GMP)** phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

Số CBSP: T146/NUTRICARE/2025
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỀN BẮC: 1800.6011 *(Miễn phí)*
MIỀN NAM: 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn

8 936142 674682

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18 /2026/CV-NU *V/v Thông báo cập nhật thông tin Hướng dẫn sử dụng của sản phẩm sau công bố*	*Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026*

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH
ĐẾN Số: 31
Ngày: 21/1/2026
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh - Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh

Chi nhánh công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là "Công ty") xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện thủ tục Tự công bố sản phẩm sau tại Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh- Sở Y tế Tỉnh Bắc Ninh:

Tên sản phẩm	Số CBSP	Ngày công bố
Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare Smarta Grow Opti	T146/NUTRICARE/2025	26/11/2025

M.S.C.N: 0104937288 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE H. THUẬN THÀNH

Căn cứ Khoản 4, điều 5, Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty xin phép được thông báo cập nhật nội dung **Hướng dẫn sử dụng** của sản phẩm nêu trên, cụ thể:

Thông tin cũ	Thông tin cập nhật
Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.	Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

(Nhãn cập nhật chi tiết đính kèm.)

Các nội dung khác trong bản tự công bố và nhãn sản phẩm (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo) không thay đổi so với hồ sơ đã công bố. Công ty cam kết đảm bảo chất lượng, an toàn và phù hợp quy định hiện hành.

Kính mong Quý Chi cục ghi nhận và lưu hồ sơ theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.C.N: 0104937284-002-C.T.C.P
CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG
NUTRICARE
H. THUẬN THÀNH - T. BẮC NINH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Công Quý

M.S.C.N: 0104937284-002-C.T.C.P
CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG
NUTRICARE
H. THUẬN THÀNH - T. BẮC NINH

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES[1]

Thành phần / Components	Đơn vị / Unit	Trong 100 g bột / Per 100 g powder	Trong 1 ly pha chuẩn / Per serving (200 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	447	179
Chất đạm/Protein	g	15.8	6.64
Lysine/Lysine	mg	1259	504
Leucine/Leucine	mg	1413	565
Isoleucine/Isoleucine	mg	800	320
Valine/Valine	mg	942	377
Arginine/Arginine	mg	546	218
Histidine/Histidine	mg	397	159
Phenylalanine/Phenylalanine	mg	646	258
Threonine/Threonine	mg	662	265
Methionine/Methionine	mg	369	148
Chất béo/Lipid	g	16.5	6.60
DHA/Docosahexaenoic acid	mg	33.0	13.2
Carbohydrat/Carbohydrate	g	57.3	22.9
Đường tổng số/Total sugars	g	25.4	10.2
Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin)/Prebiotics (FOS, Inulin)	g	1.80	0.72
Choline/Choline	mg	60.0	24.0
Lợi khuẩn Postbiotic (Lactococcus lactis Plasma)/	tỉ bào	20,84 tỷ	8,34 tỷ
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1382	553
Vitamin D3	IU	500	200
Vitamin E	IU	7.22	2.89
Vitamin K1	µg	14.6	5.84
Vitamin K2 (MK7)	µg	40.0	16.0
Vitamin C	mg	44.5	17.8
Vitamin B1	µg	354	142
Vitamin B2	µg	746	298
Niacin	µg	1350	2140
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	1850	740
Vitamin B6	µg	700	280
Axit folic/Folic acid	µg	100	40.0
Vitamin B12	µg	0.76	0.30
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	200	80.0
Kali/Potassium	mg	430	172
Canxi/Calcium	mg	1100	440
Phốt pho/Phosphorus	mg	590	236
Magiê/Magnesium	mg	38.5	15.4
Sắt/Iron	mg	5.95	2.24
Kẽm/Zinc	mg	3.20	1.28
Mangan/Manganese	µg	420	168
Đồng/Copper	µg	110	44.0
I-ốt/Iodine	µg	78.0	30.4
Selen/Selenium	µg	20.5	8.20

(1) Giá trị này được các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cọ), Sucrose, Đạm sữa, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Sắt pyrophosphat, Magiê oxit, Natri selenit, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Phylloquinon, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin), Đạm sữa thủy phân Casein phosphopeptide, DHA, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương kem), Cholin, Postbiotic (L.ợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

Milk powder, Maltodextrin, Vegetable fat (Canola oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil, Palm oil), Sucrose, Milk protein, Minerals (Tricalcium phosphate, Calcium carbonate, Potassium chloride, Sodium chloride, Zinc sulfate, Iron pyrophosphate, Magnesium oxide, Sodium selenite, Copper sulfate, Manganese sulfate, Potassium iodide) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Calcium-D-pantothenate, Folic acid, Phylloquinone, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Riboflavin, Thiamine mononitrate, Vitamin K2 (MK7)), Prebiotics (FOS, Inulin), Casein hydrolysate, DHA, Synthetic flavor (vanilla flavour, cream flavour), Choline, Postbiotic (Lactococcus lactis strain Plasma).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50°C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./*Pour 180 ml warm water (approximately 50°C) into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.*

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./*Children over 3 years up to 10 years use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.*

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./*Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.*

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE SMARTA GROW OPTI

NMNi-USA Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi **Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ** với công thức đạt chuẩn đáp ứng **100% nhu cầu Canxi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ**[2] với **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**[3] hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi. Cùng **Vitamin K2 (MK7)**, **D3** hỗ trợ phát triển hệ xương và chiều cao. Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**[4]. **Chất xơ** hỗ trợ hệ tiêu hóa khỏe.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO:
Bổ sung Canxi đáp ứng 100% nhu cầu theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ[2]. Bổ sung **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**[3] hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi. **Vitamin K2 (MK7)** giúp vận chuyển hiệu quả Canxi từ máu vào xương và **Vitamin D3** giúp xương chắc khỏe, hỗ trợ trẻ phát triển chiều cao.

HỖ TRỢ TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG:
Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**[4]. **Kẽm** giúp tăng cường sức đề kháng. Kết hợp với **Chất xơ** hòa tan (FOS, Inulin) giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng hệ vi sinh đường ruột.

HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH:
Đạm chất lượng cao[5] cung cấp dưỡng chất cần thiết hỗ trợ trẻ tăng cân khỏe mạnh. **Kẽm** hỗ trợ tăng cường chuyển hóa năng lượng và **Lysin** giúp bé ăn ngon miệng.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC:
DHA hỗ trợ phát triển trí não cùng **Cholin** có vai trò thiết yếu đối với sự phát triển của não bộ và cải thiện trí nhớ. **Vitamin A** hỗ trợ bảo vệ thị giác.

Lưu ý: - Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(*) Lượng tối thiểu Lợi khuẩn Postbiotic sẽ thiếu trong 3 ly pha chuẩn.
(2) 3 ly pha chuẩn cung cấp 100% nhu cầu Canxi hàng ngày cho trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ.
(3) Hàm lượng Casein phosphopeptide (CPP): 165 mg/200 g.
(4) Hợp chất từ đậm chất lượng cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Hìm Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt **(GMP)** phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

Số CBSP: T146/NUTRICARE/2025
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỀN BẮC: 1800.5011 (miễn phí)
MIỀN NAM: 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn

8 936142 674682

Nhãn nét đính kèm (chỉ phục vụ check nhãn)

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH *AVERAGE NUTRITIONAL VALUES*(1)

Thành phần *Components*	Đơn vị *Unit*	Trong 100 g bột *Per 100 g powder*	Trong 1 ly pha chuẩn *Per serving (210 ml)*
Năng lượng/*Energy*	kcal	447	179
Chất đạm/*Protein*	g	16,6	6,64
Lysin/*Lysine*	mg	1259	504
Leucin/*Leucine*	mg	1413	565
Isoleucin/*Isoleucine*	mg	800	320
Valin/*Valine*	mg	942	377
Arginin/*Arginine*	mg	545	218
Histidin/*Histidine*	mg	397	159
Phenylalanin/*Phenylalanine*	mg	645	258
Threonin/*Threonine*	mg	662	265
Methionin/*Methionine*	mg	369	148
Chất béo/*Lipid*	g	16,5	6,60
DHA (*Docosahexaenoic acid*)	mg	33,0	13,2
Carbohydrat/*Carbohydrate*	g	57,3	22,9
Đường tổng số/*Total sugars*	g	25,4	10,2
Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin) *Prebiotics (FOS, Inulin)*	g	1,80	0,72
Cholin/*Choline*	mg	60,0	24,0
Lợi khuẩn Postbiotic (*Lactococcus lactis* Plasma)	tế bào	20,84 tỷ	8,34 tỷ
Vitamin/*Vitamins*			
Vitamin A	IU	1382	553
Vitamin D3	IU	500	200
Vitamin E	IU	7,22	2,89
Vitamin K1	µg	14,6	5,84
Vitamin K2 (MK7)	µg	40,0	16,0
Vitamin C	mg	44,5	17,8
Vitamin B1	µg	354	142
Vitamin B2	µg	745	298
Niacin	µg	5350	2140
Axit pantothenic/*Pantothenic acid*	µg	1850	740
Vitamin B6	µg	700	280
Axit folic/*Folic acid*	µg	100	40,0
Vitamin B12	µg	0,76	0,30
Khoáng chất/*Minerals*			
Natri/*Sodium*	mg	200	80,0
Kali/*Potassium*	mg	430	172
Canxi/*Calcium*	mg	1100	440
Phốt pho/*Phosphorus*	mg	590	236
Magiê/*Magnesium*	mg	38,5	15,4
Sắt/*Iron*	mg	5,60	2,24
Kẽm/*Zinc*	mg	3,20	1,28
Mangan/*Manganese*	µg	420	168
Đồng/*Copper*	µg	110	44,0
I-ốt/*Iodine*	µg	76,0	30,4
Selen/*Selenium*	µg	20,5	8,20

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/*INGREDIENTS:*

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cọ), Sucrose, Đạm sữa, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Sắt pyrophosphat, Magiê oxit, Natri selenit, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Phylloquinon, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin), Đạm sữa thủy phân Casein phosphopeptide, DHA, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương kem), Cholin, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

Milk powder, Maltodextrin, Vegetable fat (Canola oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil, Palm oil), Sucrose, Milk protein, Minerals (Tricalcium phosphate, Calcium carbonate, Potassium chloride, Sodium chloride, Zinc sulfate, Iron pyrophosphate, Magnesium oxide, Sodium selenite, Copper sulfate, Manganese sulfate, Potassium iodide) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Calcium-D-pantothenate, Folic acid, Phylloquinone, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Riboflavin, Thiamine mononitrate, Vitamin K2 (MK7)), Prebiotics (FOS, Inulin), Casein hydrolysate, DHA, Synthetic flavor (vanilla flavour, cream flavour), Choline, Postbiotic (Lactococcus lactis strain Plasma).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/*INSTRUCTION FOR USE:*

Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50°C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ./*Pour 180 ml warm water (approximately 50°C) into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 1 hour after preparation.*

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/*RECOMMENDED INTAKE:*

Trẻ trên 3 tuổi – 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng./*Children over 3 years up to 10 years use 2 - 3 servings per day or follow doctor/dietitian's instructions.*

BẢO QUẢN/*STORAGE:*

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./*Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.*

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE SMARTA GROW OPTI

NMNi - USA
Nutricare Medical Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi **Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ** với công thức đạt chuẩn đáp ứng **100% nhu cầu Canxi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ**(2) với **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**(3) hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi. Cùng **Vitamin K2 (MK7), D3** hỗ trợ phát triển hệ xương và chiều cao. Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**(*). **Chất xơ** hỗ trợ hệ tiêu hóa khỏe.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO:
Bổ sung Canxi đáp ứng **100% nhu cầu theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ**(2). Bổ sung **Đạm sữa thủy phân Casein Phosphopeptide (CPP)**(3) hỗ trợ hấp thu Kẽm và Canxi, **Vitamin K2 (MK7)** giúp vận chuyển hiệu quả Canxi từ máu vào xương và **Vitamin D3** giúp xương chắc khỏe, hỗ trợ trẻ phát triển chiều cao.

HỖ TRỢ TIÊU HÓA KHỎE, TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG:
Bổ sung **20 tỷ Lợi khuẩn Postbiotic**(*), **Kẽm** giúp tăng cường sức đề kháng. Kết hợp với **Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin)** giúp hệ tiêu hóa khỏe mạnh, ngăn ngừa táo bón, hỗ trợ cân bằng hệ vi sinh đường ruột.

HỖ TRỢ TĂNG CÂN KHỎE MẠNH:
Đạm chất lượng cao(4) cùng các dưỡng chất cần thiết hỗ trợ trẻ tăng cân khỏe mạnh. **Kẽm** hỗ trợ tăng cường chuyển hóa năng lượng và **Lysin** giúp bé ăn ngon miệng.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN TRÍ NÃO, THỊ GIÁC:
DHA hỗ trợ phát triển trí não cùng **Cholin** có vai trò thiết yếu đối với sự phát triển của não bộ và cải thiện trí nhớ. **Vitamin A** hỗ trợ bảo vệ thị giác.

Lưu ý: - Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

(*) *Lượng tế bào Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 3 ly pha chuẩn.*
(2) *3 ly pha chuẩn cung cấp 100% nhu cầu Canxi hàng ngày cho trẻ trên 3 tuổi - 10 tuổi theo khuyến nghị của FDA Hoa Kỳ.*
(3) *Hàm lượng Casein phosphopeptide (CPP): 165 mg/100 g.*
(4) *Đạm sữa là đạm chất lượng cao.*

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt **(GMP)** phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Tìm hiểu thêm về sản phẩm tại đây

Số CBSP: T146/NUTRICARE/2025
NSX và HSD: Xem trên bao bì.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
MIỄN BẮC: 1800.6011 *(Miễn phí)*
MIỄN NAM: 028.7300.9888
www.nutricare.com.vn

8 936142 674682

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: T146/NUTRICARE/2025

Tên tổ chức, cá nhân: Chi nhánh Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368. Fax:

Email: contact@nutricare.com.vn

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare Smarta Grow Opti

2. Thành phần cấu tạo:

Bột sữa, Maltodextrin, Chất béo thực vật (Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành, Dầu cọ), Sucrose, Đạm sữa, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Canxi carbonat, Kali clorid, Natri clorid, Kẽm sulfat, Sắt pyrophosphat, Magiê oxit, Natri selenit, Đồng sulfat, Mangan sulfat, Kali iodid) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Canxi-D-pantothenat, Axit folic, Phylloquinon, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Riboflavin, Thiamin mononitrat, Vitamin K2 (MK7)), Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin), Đạm sữa thủy phân Casein phosphopeptide, DHA, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani, hương kem), Cholin, Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị đắng đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng/*Energy*	kcal	357,600
Chất đạm/*Protein*	g	13,280
Lysin/*Lysine*	mg	1007,200
Leucin/*Leucine*	mg	1130,400

Isoleucin/*Isoleucine*	mg	640,000
Valin/*Valine*	mg	753,600
Arginin/*Arginine*	mg	436,000
Histidin/*Histidine*	mg	317,600
Phenylalanin/*Phenylalanine*	mg	516,000
Threonin/*Threonine*	mg	529,600
Methionin/*Methionine*	mg	295,200
Chất béo/*Lipid*	g	13,200
DHA (*Docosahexaenoic acid*)	mg	26,400
Carbohydrat/*Carbohydrate*	g	45,840
Đường tổng số/*Total sugars*	g	20,320
Chất xơ hòa tan (FOS, Inulin)	g	1,440
Cholin/*Choline*	mg	48,000
Lợi khuẩn Postbiotic (*Lactococcus lactis* Plasma)	tỷ tế bào	16,672
Vitamin/*Vitamins*		
Vitamin A	IU	1105,600
Vitamin D3	IU	400,000
Vitamin E	IU	5,776
Vitamin K1	µg	11,680
Vitamin K2 (MK7)	µg	32,000
Vitamin C	mg	35,600
Vitamin B1	µg	283,200
Vitamin B2	µg	596,000
Niacin	µg	4280,000
Axit pantothenic/*Pantothenic acid*	µg	1480,000
Vitamin B6	µg	560,000
Axit folic/*Folic acid*	µg	80,000
Vitamin B12	µg	0,608
Khoáng chất/*Minerals*		
Natri/*Sodium*	mg	160,000
Kali/*Potassium*	mg	344,000
Canxi/*Calcium*	mg	880,000
Phốt pho/*Phosphorus*	mg	472,000
Magiê/*Magnesium*	mg	30,800

Sắt/*Iron*	mg	4,480
Kẽm/*Zinc*	mg	2,560
Mangan/*Manganese*	µg	336,000
Đồng/*Copper*	µg	88,000
I-ốt/*Iodine*	µg	60,800
Selen/*Selenium*	µg	16,400

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	*Salmonella*	/25 g	KPH
2	*Enterobacteriaceae*	CFU/g	10
3	*Staphylococci dương tính với coagulase*	CFU/g	10
4	*L. monocytogens*	CFU/g	100
5	*Nội độc tố của Staphylococcus*	/25 g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
2	Chì (Pb)	mg/l dung dịch pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg bột	0,105
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
4	Arsen (As)	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn) *(Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)*	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

6. Hướng dẫn sử dụng

Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Cá, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

7. Lượng dùng khuyến nghị

Trẻ trên 3 tuổi – 10 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày hoặc theo hướng dẫn của chuyên gia/bác sĩ dinh dưỡng.

8. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

9. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

10. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 850 g (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

11. Tên và địa chỉ sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Bắc Ninh, ngày 26 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)

M.S.C.N: 0104937284-002-C.T.C.P
CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
H. THUẬN THÀNH - T. BẮC NINH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Công Qúy